

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DSPT

Ngày: 21/02/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Công Đồng.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông  
Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc  
Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLPT – DS ngày  
07/01/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DSST ngày 26/10/2018 của Tòa án  
nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐ-PT ngày  
28/01/2019 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Vũ Bá Kh (tên gọi khác: Kh), sinh năm 1975. Có mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Phố Ch, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn:** Anh Lê Xuân H, sinh năm 1970. Có mặt.

Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

**Người kháng cáo:** Anh Lê Xuân H

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn là anh Vũ Bá Kh, chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:* Do quen biết với vợ chồng anh Lê Xuân H, chị Nguyễn Thị Ph nên anh H, chị Ph đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng anh chị, mỗi lần vay đều viết giấy biên nhận, vay rồi lại trả. Ngày 17/10/2011, anh H, chị Ph có vay 800.000.000 đồng của anh chị để làm ăn. Khi vay, hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng anh chị cần sẽ báo trước 01 tháng thì anh H, chị Ph có trách nhiệm trả số tiền vay gốc, còn lãi thì trả theo tháng với mức lãi suất 3,6%, anh H và chị Ph trực tiếp ký vào giấy vay tiền, vợ chồng anh H, chị Ph đã nhận đủ số tiền vay trên.

Đến ngày 17/11/2011, anh H đã trả lãi được 01 tháng, sau đó đến ngày 18/12/2011 thì anh H trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc. Kể từ đó anh H, chị Ph không trả vợ chồng anh chị đồng tiền lãi nào, sau vài tháng vợ chồng anh chị có đòi thì anh H, chị Ph đều khất nợ và nói khi nào có sẽ trả. Đến nay, thời gian đã quá lâu mà anh H, chị Ph vẫn không thanh toán trả nợ. Nay anh Kh, chị V yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh H, chị Ph phải có nghĩa vụ trả vợ chồng anh chị số tiền gốc là 750.000.000 đồng và số tiền lãi là 570.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.320.000.000 đồng.

*Phía bị đơn là anh Lê Xuân H trình bày:* Từ năm 2007 đến năm 2011 vợ chồng anh đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng anh Kh, chị V để đảo nợ ngân hàng, vay rồi lại trả. Do làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh không trả được tiền lãi nên anh Kh đã yêu cầu anh cộng lãi vào gốc và chốt sổ thường xuyên vài tháng một lần, lần cuối chốt sổ vào ngày 17/10/2011 thì vợ chồng anh nợ vợ chồng anh Kh 800.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất, thời hạn trả thì không thỏa thuận gì. Anh là người trực tiếp viết vào giấy vay tiền và trong nội dung giấy vay tiền thể hiện vợ chồng anh vay của vợ chồng anh Kh, chị V số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay anh không ghi gì, anh và chị Ph có ký vào giấy vay tiền ghi ngày 17/10/2011.

Từ đó đến nay, anh đã trả cho vợ chồng anh Kh được 01 tháng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ vợ chồng anh Kh 750.000.000 đồng tiền gốc đúng như anh Kh đã trình bày. Nay vợ chồng anh Kh yêu cầu vợ chồng anh phải trả tổng cộng cả gốc và lãi là 1.320.000.000 đồng trong đó gốc là 750.000.000 đồng, tiền lãi là 570.000.000 đồng. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên anh xin được trả dần số tiền gốc 750.000.000 đồng còn số tiền lãi anh xin vợ chồng anh Kh, chị V.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, chị Ph xác định có ký vào giấy vay tiền ngày 17/10/2011. Anh H đã có bản tự khai tại tòa án, chị Ph đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Kh đại diện cho nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi, chỉ yêu cầu vợ chồng anh H, chị Ph phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/10/2018) theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Anh Kh tính số tiền lãi là 463.253.424 đồng, và tự nguyện tính tròn số là 460.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi, anh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H, chị Ph phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền là 1.210.000.000 đồng.

Cũng tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng anh H, chị Ph đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã áp dụng: các điều 144, 147, 186, 227, 228 và 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 471, 474, 476 và 477 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Kh, chị V. Buộc vợ chồng anh Lê Xuân H, chị Nguyễn Thị Ph phải trả anh Kh, chị V số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 26/10/2018 là 460.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 1.210.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 07/11/2018, anh Lê Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là anh Lê Xuân H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng mà vợ chồng anh nợ vợ chồng nguyên đơn là do cộng dồn cả gốc và lãi nhiều lần thành khoản vay này với mức lãi suất là 1.500đ/01 triệu đồng/ngày (tương đương với 4,5%/01 tháng). Anh H cũng xuất trình 01 bản phô tô giấy vay tiền ghi hồi 10 giờ ngày 31/8/2011 giữa người vay tiền là Đinh Quang S và người cho vay là Vũ Bá Kh, mặt sau bản phô tô này cũng có nội dung anh H vay

tiền của anh S. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét do làm ăn khó khăn cho anh được trả dần tiền gốc, còn tiền lãi anh xin anh Kh.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Lê Xuân H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- *Về tố tụng*: Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thu V đã ủy quyền cho anh Kh, còn chị Nguyễn Thị Ph giai đoạn xét xử sơ thẩm thường không hợp tác, vắng mặt. Chị Ph cũng đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và giấy triệu tập, mặt khác, chị Ph không kháng cáo. Do vậy, việc chị V và chị Ph vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không ảnh hưởng tới việc xét xử phúc thẩm.

- *Về nội dung*: Hội đồng xét xử thấy: Giấy vay tiền ngày 17/10/2011 có nội dung thể hiện việc vợ chồng anh H, chị Ph vay 800.000.000 đồng của vợ chồng anh Kh, chị V, có thỏa thuận về lãi suất nhưng không rõ mức lãi suất, hai bên cũng không thỏa thuận về thời hạn trả. Tuy nhiên, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự (nguyên đơn và bị đơn) đều thừa nhận có ký vào giấy vay tiền ngày 17/10/2011 với số tiền vay là 800.000.000 đồng, từ đó đến nay vợ chồng anh H, chị Ph đã trả được 01 tháng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc, đến nay còn nợ gốc là 750.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H xuất trình 01 bản phô tô giấy vay tiền ghi ngày 31/8/2011 giữa người vay là Đình Quang S và người cho vay là Vũ Bá Kh, mặt sau bản phô tô có nội dung anh H vay tiền của anh S. Hội đồng xét xử thấy bản phô tô giấy vay tiền do anh H xuất trình không liên quan tới việc anh Kh kiện đòi tiền anh H. Do vậy, Tòa án sơ thẩm xác định anh H, chị Ph còn nợ anh Kh, chị V số tiền gốc 750.000.000 đồng và đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có lãi suất là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về lãi suất: Anh Kh, chị V yêu cầu vợ chồng anh H, chị Ph phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tính từ ngày 18/11/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/10/2018). Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù anh H xác định số tiền 800.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 17/10/2011 được hình thành từ việc cộng dồn nhiều lần cả gốc và lãi với mức lãi suất là 4,5%/tháng. Tuy nhiên, anh H không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho việc này. Anh H cũng đã xác định sau khi ký giấy vay tiền ngày 17/10/2011 thì anh có trả cho vợ chồng anh Kh 01 tháng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền nợ gốc. Do vậy, phải xác định đây là khoản vay có lãi suất nhưng vì các bên không thống nhất được mức lãi suất nên cần áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là 09%/năm (tức 0,75%/tháng và 0,025%/ngày), cụ thể:

- Lãi suất tính từ ngày 18/11/2011 đến ngày 18/12/2011 là:  $800.000.000đ \times 0.75\% \times 01 \text{ tháng} = 6.000.000 \text{ đồng}$ .

- Lãi suất tính từ ngày 19/12/2011 đến ngày 26/10/2018 là:  $750.000.000đ \times (9\% \times 6 \text{ năm} + 0,75 \times 10 \text{ tháng} + 0.025\% \times 7 \text{ ngày}) = 462.562.500 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số tiền lãi vợ chồng anh H, chị Ph phải trả vợ chồng anh Kh, chị V là  $462.562.500đ + 6.000.000đ = 468.562.500 \text{ đồng}$ .

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, anh Kh, chị V chỉ yêu cầu vợ chồng anh H, chị Ph phải trả 460.000.000 đồng tiền lãi nên cần chấp nhận yêu cầu này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 476 và 477 Bộ luật Dân sự 2005; Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Bá Kh (tên gọi khác Kh) và chị Nguyễn Thị Thu V.

2. Buộc vợ chồng anh Lê Xuân H, chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho vợ chồng anh Vũ Bá Kh, chị Nguyễn Thị Thu V số tiền gốc là 750.000.000 đồng, tiền lãi 460.000.000 đồng, tổng cộng phải trả 1.210.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Lê Xuân H, chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 48.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Xuân H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại anh Vũ Bá Kh và chị Nguyễn Thị Thu V 24.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2012/01250 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**